

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 152/2020/QĐST-HNGĐ

T1, ngày 23 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 260/TB - TLVA ngày 13 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Ông Vũ Văn H1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn KX, xã DX, huyện T1, tỉnh T.

Bị đơn: Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn KX, xã DX, huyện T1, tỉnh T.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Vũ Văn H1 và bà Trần Thị Nh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung: Ông Vũ Văn H1 và bà Trần Thị Nh có hai con chung là Vũ Quang H, sinh ngày 22/2/1997, con Vũ Trung Ng, sinh năm 2000 (đã mất năm 2010). Hiện nay, con chung Vũ Quang H đã trưởng thành; ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Vũ Văn H1 phải nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông H1 đã nộp tại Biên lai số

0009767 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T sang thi hành án phí; đối trừ trả lại ông Vũ Văn H1 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã ĐX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đồng Ngọc Huyền